

Số: /KH-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Quyết định số 4214/QĐ-BKHCN ngày 17/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành về việc ban hành Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số;

Căn cứ Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng môi trường tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số tin cậy, minh bạch, an toàn dựa trên ứng dụng công nghệ số; tuân thủ, áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Nâng cao năng lực số cho người dân, doanh nghiệp để thúc đẩy hiệu quả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, tạo động lực tăng trưởng kinh tế số bền vững, đến 2030 tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt trên 30%, gắn với phát triển xã hội số bao trùm.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2026.

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt tối thiểu 90%;

- Tối thiểu 45% sản phẩm được công nhận là sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù cấp tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ;

- Tối thiểu 35% các sản phẩm sử dụng mã số, mã vạch được định danh, tra cứu trên Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quốc gia phục vụ truy xuất nguồn gốc, bảo đảm khả năng tương tác, trao đổi dữ liệu với các hệ thống truy xuất nguồn gốc của doanh nghiệp trong nước và quốc tế;

- Tổ chức thí điểm thành công Chương trình hỗ trợ cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số tại 25 xã, phường;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%.

b) Mục tiêu đến năm 2030

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 99%;

- Tối thiểu 60% sản phẩm được công nhận là sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù cấp tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ;

- Tối thiểu 70% các sản phẩm sử dụng mã số, mã vạch được định danh, tra cứu trên Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quốc gia phục vụ truy xuất nguồn gốc, bảo đảm khả năng tương tác, trao đổi dữ liệu với các hệ thống truy xuất nguồn gốc của doanh nghiệp trong nước và quốc tế;

- Triển khai Chương trình hỗ trợ cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số tại 70 xã, phường còn lại.

- Nâng cấp trung tâm dữ liệu tỉnh đạt chuẩn điện toán đám mây (cloud), nội dung trực tuyến triển khai IPv6 only đạt 100%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Thúc đẩy đưa sản phẩm, dịch vụ lên môi trường số

a) Hỗ trợ, đôn đốc các Sở, ngành, địa phương triển khai vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các bộ ngành cho cấp tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan.

b) Tổ chức xây dựng, triển khai Khung kiến trúc số của tỉnh phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số để cung cấp các sản phẩm, dịch vụ lên môi trường số bảo đảm tiên độ, chất lượng.

c) Triển khai kịp thời danh mục các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng và của tỉnh.

d) Triển khai Chương trình hỗ trợ các cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, cửa hàng, hộ kinh doanh bán buôn, bán lẻ đánh giá mức

độ chuyển đổi số, sử dụng các nền tảng số phù hợp để quản lý bán hàng hiệu quả, cung cấp đa dạng sản phẩm, dịch vụ, mở rộng khả năng tiếp cận khách hàng, phát triển thương mại điện tử trên môi trường số.

2. Trang bị kỹ năng số cho người dân

a) Triển khai chương trình Bình dân học vụ số, trong đó có “Ngày hội toàn dân học tập số” vào ngày 10/10 hằng năm (Ngày Chuyển đổi số của tỉnh). Trong đó, kết hợp giữa các hoạt động trực tuyến và trực tiếp tại tỉnh như tổ chức các hội thảo, tọa đàm và hội nghị; trải nghiệm và hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, lớp học số cho cộng đồng.

b) Cập nhật nội dung, thúc đẩy tổ chức chương trình bồi dưỡng của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các xã, phường nhằm bồi dưỡng kỹ năng số cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản để tiếp cận thông tin, sử dụng tiện ích, giao dịch an toàn trên môi trường số.

c) Hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đăng ký và sử dụng tên miền quốc gia “.vn” thông qua hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

d) Tổ chức các hội thảo, tập huấn nâng cao kiến thức quản lý hoạt động truy xuất nguồn gốc cho các xã, phường.

đ) Đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ tư vấn các doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu thực hiện truy xuất nguồn gốc.

3. Cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số

a) Thúc đẩy phát triển mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn tỉnh, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo quy định tại Quyết định số 912/QĐ-BKHCN ngày 18/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025 - 2030.

b) Triển khai hiệu quả chương trình thúc đẩy, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia “.vn” ở tỉnh.

c) Chuyển đổi IPv6 only cho các dịch vụ Cloud, trung tâm dữ liệu của tỉnh và các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh.

d) Triển khai công cụ tra cứu trực tuyến thông tin sở hữu công nghiệp; hỗ trợ khai thác thông tin sở hữu công nghiệp phục vụ hoạt động đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp và nghiên cứu khoa học do Bộ Khoa học và Công nghệ phát triển.

4. Tạo lập niềm tin số cho người dân

a) Đào tạo trực tiếp, trực tuyến để nâng cao nguồn nhân lực IPv6 only, IPv6 cho 5G, IoT.

b) Thúc đẩy các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng thiết kế xây dựng các ứng dụng chữ ký số đơn giản, dễ sử dụng, giảm chi phí.

c) Tổ chức các chiến dịch truyền thông về phổ cập chữ ký số cho người dân. Tập trung triển khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, các nền tảng số quốc gia, nền tảng số lớn và các nền tảng mạng xã hội.

d) Ứng dụng phát triển công nghệ (Blockchain, IoT, AI, Big data và các công nghệ phù hợp với xu hướng phát triển của quốc gia) trong hệ sinh thái truy xuất nguồn gốc. Ưu tiên thí điểm ứng dụng Blockchain trong ngành nông nghiệp, thực phẩm; AI trong phát hiện gian lận dữ liệu truy xuất; IoT trong thu thập dữ liệu vùng trồng, vùng nuôi.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được huy động từ các nguồn: ngân sách Nhà nước (ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương); nguồn tài trợ, viện trợ, hợp tác quốc tế; nguồn vốn tự có và vốn huy động hợp pháp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia; kinh phí lồng ghép với kinh phí thực hiện chương trình, kế hoạch khác có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ: Là cơ quan chủ trì triển khai Kế hoạch; phối hợp, hướng dẫn các đơn vị triển khai. Định kỳ hàng năm, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ về kết quả thực hiện. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các giải pháp công nghệ mới (AI, IoT, big data). Hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và truy xuất nguồn gốc điện tử.

2. Sở Tài chính: Trên cơ sở tổng hợp, đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ về dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch, căn cứ khả năng cân đối ngân sách của tỉnh hàng năm, Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí để các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Sở Công Thương: Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai các nhiệm vụ có liên quan đến kế hoạch.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Phối hợp chặt chẽ với Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ trong việc đưa nông sản, đặc sản, sản phẩm OCOP của tỉnh lên môi trường số. Tích cực vận động các hợp tác xã nông nghiệp, hộ nông dân tham gia các sàn thương mại điện tử. Phối hợp quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc.

5. Sở Xây dựng: Lồng ghép định hướng phát triển hạ tầng logistics phục vụ thương mại điện tử vào các quy hoạch đô thị và nông thôn.

6. Ngân hàng Nhà nước Khu vực 2: Chủ trì triển khai các giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt. Chỉ đạo mở rộng mạng lưới chấp nhận thanh toán điện tử (QR code, POS...) đến các điểm bán lẻ, chợ truyền thống.

7. Công an tỉnh: Triển khai phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trên môi trường thương mại điện tử. Chủ động phát hiện, điều tra và xử lý các hành vi gian lận thương mại, buôn lậu, hàng giả.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Phối hợp quảng bá sản phẩm văn hóa, du lịch của tỉnh trên môi trường số. Tích hợp nội dung tại Kế hoạch này vào kế hoạch xúc tiến du lịch hàng năm.

9. Liên minh hợp tác xã tỉnh: Phối hợp tuyên truyền, quảng bá sản phẩm trên sàn thương mại điện tử tới các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hoạt động vì mục đích phát triển kinh tế tập thể.

10. UBND các xã, phường: Xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại địa phương. Đặc biệt chú trọng công tác tuyên truyền, đào tạo kỹ năng số cho người dân.

11. Các tổ chức chính trị - xã hội: Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia tích cực.

(Kèm theo Phụ lục 1, 2 các nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch)

Trên đây là Kế hoạch triển khai Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030; trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Báo và PTTH Đồng Nai;
- UBND các xã, phường;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, KGVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trường Sơn

Phụ lục 1: Danh mục các nhiệm vụ thực hiện

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Nhiệm vụ, nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Kết quả
I	Đến năm 2026		
1	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 90
2	Tỷ lệ sản phẩm được công nhận là sản phẩm quốc gia, sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù cấp tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 45
3	Tỷ lệ sản phẩm sử dụng mã số, mã vạch được định danh, tra cứu trên Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quốc gia phục vụ truy xuất nguồn gốc, bảo đảm khả năng tương tác, trao đổi dữ liệu với các hệ thống truy xuất nguồn gốc của doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 35
4	Triển khai thí điểm Chương trình hỗ trợ cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 1
5	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	Sở Khoa học và Công nghệ; các doanh nghiệp triển khai chữ ký số	≥ 50
II	Đến năm 2030		
7	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 99
8	Tỷ lệ sản phẩm được công nhận là sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 60

9	Tỷ lệ sản phẩm sử dụng mã số, mã vạch được định danh, tra cứu trên Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quốc gia phục vụ truy xuất nguồn gốc, bảo đảm khả năng tương tác, trao đổi dữ liệu với các hệ thống truy xuất nguồn gốc của doanh nghiệp trong nước và quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 70
10	Triển khai Chương trình hỗ trợ cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường	≥ 20
11	Tỷ lệ trung tâm dữ liệu, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện toán đám mây (cloud), nội dung trực tuyến triển khai IPv6 only	Sở Khoa học và Công nghệ;	100%
12	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	Sở Khoa học và Công nghệ; các doanh nghiệp triển khai chữ ký số	≥ 70

Phụ lục 2: Danh mục các nhiệm vụ thực hiện
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Nhiệm vụ, nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Sản phẩm đầu ra
I	Thúc đẩy đưa sản phẩm, dịch vụ lên môi trường số			
1	Triển khai chương trình hiện diện trực tuyến an toàn tin cậy thông qua “Ứng dụng tên miền quốc gia "id.vn" và "org.vn" và các lợi ích, chính sách hỗ trợ khi đăng ký tên miền quốc gia ".vn"	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030	Số lượng tên miền “.vn” được cấp phát trên địa bàn tỉnh
2	Triển khai các giải pháp thanh toán điện tử không dùng tiền mặt tại các điểm bán hàng, dịch vụ và chợ truyền thông trên địa bàn tỉnh	NHNN Việt Nam CN khu vực 2	2026-2030	Hệ thống chấp nhận thanh toán điện tử (QR code, POS) được triển khai tại chợ, cửa hàng
3	Triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử cho nông sản, sản phẩm OCOP của tỉnh (gắn mã QR, tem điện tử)	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2028	Hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử cho nông sản, OCOP được đưa vào vận hành
4	Quảng bá các sản phẩm đặc sản và dịch vụ du lịch của Đồng Nai trên Vneid, các nền tảng số và chuyên trang du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2026-2030	Sản phẩm đặc sản và dịch vụ du lịch Đồng Nai được quảng bá trên mạng xã hội, sản du lịch trực tuyến
5	Hỗ trợ, đôn đốc các sở, ngành, cấp xã triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan	Sở KH&CN phối hợp với Cục Chuyển đổi số quốc gia (Bộ KH&CN)	Hàng năm	Các đơn vị vận hành ổn định Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo yêu cầu

6	Tổ chức xây dựng, triển khai Khung kiến trúc số của tỉnh phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số để cung cấp các sản phẩm, dịch vụ lên môi trường số bảo đảm tiến độ, chất lượng	Sở KH&CN	Tháng 6/2026 hoàn thành xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số; Tổ chức triển khai hằng năm	Khung kiến trúc số cấp tỉnh được xây dựng, triển khai
7	Hỗ trợ các đơn vị triển khai hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các bộ ngành áp dụng cho tỉnh	Sở KH&CN	Hàng năm	Hệ thống được áp dụng triển khai giải quyết TTHC theo phân cấp
8	Triển khai kịp thời danh mục các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng áp dụng trên địa bàn tỉnh	Sở KH&CN phối hợp Cục Chuyển đổi số quốc gia (Bộ KH&CN)	Tháng 12/2026	Danh mục các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng được áp dụng triển khai trên toàn tỉnh
9	Thúc đẩy phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam trên địa bàn tỉnh.	Sở KH&CN phối hợp Cục Công nghiệp Công nghệ thông tin (Bộ KH&CN)	Hàng năm	Triển khai các hoạt động thúc đẩy phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam theo kế hoạch
10	Triển khai cơ chế, chính sách để phát triển các tổ chức trung gian của thị trường khoa học, công nghệ	Sở KH&CN phối hợp Cục Đổi mới sáng tạo (Bộ KH&CN)	Hàng năm	Các văn bản hướng dẫn, thi hành Luật Chuyển giao công nghệ

11	Triển khai Chương trình hỗ trợ các cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, cửa hàng, hộ kinh doanh bán buôn, bán lẻ đánh giá mức độ chuyển đổi số, sử dụng các nền tảng số phù hợp để quản lý bán hàng hiệu quả, cung cấp đa dạng sản phẩm, dịch vụ, mở rộng khả năng tiếp cận khách hàng, phát triển thương mại điện tử trên môi trường số	Sở KH&CN phối hợp Vụ Kinh tế và Xã hội số (Bộ KH&CN)	Hàng năm	Chương trình hỗ trợ các cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số được triển khai theo kế hoạch
12	Triển khai chương trình Bình dân học vụ số, trong đó có “Ngày hội toàn dân học tập số” vào ngày 10/10 hằng năm. Trong đó, kết hợp giữa các hoạt động trực tuyến và trực tiếp tại tỉnh như tổ chức các hội thảo, tọa đàm và hội nghị; trải nghiệm và hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, lớp học số cho cộng đồng.	Sở KH&CN phối hợp với Vụ Kinh tế và Xã hội số (Bộ KH&CN)	Hàng năm	Ngày hội toàn dân học tập số được triển khai.
13	Cập nhật nội dung, thúc đẩy tổ chức chương trình bồi dưỡng của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các xã/phường nhằm bồi dưỡng kỹ năng số cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản để tiếp cận thông tin, sử dụng tiện ích, giao dịch an toàn trên môi trường số.	Sở KH&CN phối hợp với Cục Chuyển đổi số quốc gia (Bộ KH&CN)	Hàng năm	Cập nhật nội dung, thúc đẩy tổ chức chương trình bồi dưỡng của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương
14	Hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đăng ký và sử dụng tên miền quốc gia “.vn” thông qua hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng	Sở KH&CN phối hợp với Trung tâm Internet Việt Nam	Tháng 3/2026	Xây dựng tài liệu, thông tin hướng dẫn cho Tổ công nghệ số cộng đồng
15	Tổ chức các hội thảo, tập huấn nâng cao kiến thức quản lý hoạt động truy xuất nguồn gốc cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh	Sở KH&CN phối hợp với Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (Bộ KH&CN)	Hàng năm	Hội thảo, tập huấn được tổ chức

16	Đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ tư vấn các doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu thực hiện truy xuất nguồn gốc	Sở KH&CN phối hợp với Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (Bộ KH&CN)	Hàng năm	Chương trình đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ tư vấn được tổ chức.
17	Triển khai bộ tài liệu chuẩn về quy trình truy xuất nguồn gốc cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ sản xuất, cung cấp miễn phí trên nền tảng số (do Bộ ban hành)	Sở KH&CN phối hợp với Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (Bộ KH&CN)	Tháng 12/2026	Bộ tài liệu được xây dựng theo yêu cầu.
II	Cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số			
18	Thúc đẩy phát triển mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn tỉnh, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo quy định tại Quyết định số 912/QĐ- BKHCN ngày 18/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025 - 2030	Sở KH&CN phối hợp với Cục Viễn thông (Bộ KH&CN)	Triển khai theo Kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025 - 2030.	Theo tiến độ tại Kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025 – 2030
19	Triển khai hiệu quả chương trình thúc đẩy, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia “.vn”	Sở KH&CN phối hợp với Trung tâm Internet	Hàng năm	Triển khai đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình.
20	Chuyển đổi IPv6 only cho các dịch vụ Cloud, Trung tâm dữ liệu và các hệ thống thông tin của tỉnh	Sở KH&CN phối hợp với Trung tâm Internet	Năm 2030	Trung tâm dữ liệu, các hệ thống thông tin của tỉnh được triển khai IPv6 only

21	Triển khai công cụ tra cứu trực tuyến thông tin sở hữu công nghiệp; hỗ trợ khai thác thông tin sở hữu công nghiệp phục vụ hoạt động đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp và nghiên cứu khoa học	Sở KH&CN phối hợp với Cục Sở hữu trí tuệ	Hàng năm	Bộ công cụ được xây dựng, cập nhật theo yêu cầu
III	Tạo lập niềm tin số cho người dân			
22	Triển khai quy định về quản lý, phát triển và ứng dụng AI, trong đó bao gồm các quy định về khung đạo đức AI, trách nhiệm pháp lý khi AI gây thiệt hại, cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình huấn luyện AI, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát cho các ứng dụng AI có rủi ro cao và các vấn đề liên quan	Sở KH&CN phối hợp với Viện Công nghệ số và Chuyển đổi số quốc gia	Tháng 12/2026	Văn bản được trình cấp có thẩm quyền ban hành
23	Đào tạo trực tiếp, trực tuyến để nâng cao nguồn nhân lực IPv6 only, IPv6 cho 5G, IoT	Sở KH&CN phối hợp với Trung tâm Internet Việt Nam	Hàng năm	Triển khai đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình
24	Triển khai áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia về Chất lượng trải nghiệm của người dùng dịch vụ công trực tuyến	Sở KH&CN phối hợp Cục Chuyển đổi số quốc gia	Tháng 3/2026	Văn bản tổ chức triển khai
25	Phối hợp các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng thiết kế xây dựng các ứng dụng chữ ký số đơn giản, dễ sử dụng, giảm chi phí	Sở KH&CN phối hợp Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia	Hàng năm	Tổ chức triển khai các hoạt động đôn đốc, hướng dẫn thường xuyên các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng thiết kế xây dựng các ứng dụng chữ ký số đơn giản, dễ sử dụng, giảm chi phí

26	Tổ chức các chiến dịch truyền thông về phổ cập chữ ký số cho người dân. Tập trung triển khai trên các hạ tầng số của Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh, các nền tảng số và các nền tảng mạng xã hội	Sở KH&CN phối hợp Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh	Hàng năm	Các chiến dịch truyền thông về phổ cập chữ ký số cho người dân được tổ chức
27	Áp dụng triển khai công nghệ (Blockchain, IoT, AI, Big data và các công nghệ phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới) trong hệ sinh thái truy xuất nguồn gốc. Ưu tiên thí điểm ứng dụng Blockchain trong ngành nông nghiệp, thực phẩm; AI trong phát hiện gian lận dữ liệu truy xuất; IoT trong thu thập dữ liệu vùng trồng, vùng nuôi	Sở KH&CN phối hợp Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Hàng năm	Tổ chức hướng dẫn triển khai ứng dụng phát triển công nghệ (Blockchain, IoT, AI, Big data và các công nghệ phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới) trong hệ sinh thái truy xuất nguồn gốc
28	Áp dụng triển khai danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về ICT phục vụ phát triển đô thị thông minh	Sở KH&CN phối hợp Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia	Tháng 6/2026	Ban hành văn bản thực hiện sau khi Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Bộ KHCN